

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 36/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 03/8/2022

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con chung khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Thảo

2. Ông Phùng Văn Luân.

-Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Chung –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:
ông Lê Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2022/TLST-HN ngày 13 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-HN ngày 01 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HN ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh **Lê Văn Ng**, sinh năm 1987. Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn MP, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang (xin vắng mặt)

2.Bị đơn: Chị **Trần Thị Ngọc D**, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp HL, xã HĐ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Lê Văn Ng trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Ngọc D được gia đình hai bên

tổ chức lễ cưới năm 2011 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Hữu Đạo, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11 ngày 02/4/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với cha mẹ của anh tại xã Hữu Đạo; vợ chồng sống chung hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nhau nên vợ chồng có nhiều lần ly thân sau đó vì thương con nên vợ chồng về hàn gắn sống chung. Đến tháng 11/2020, anh phát hiện chị D có mối quan hệ tình cảm với người khác nên vợ chồng không còn sống chung với nhau. Vợ chồng mâu thuẫn nhau cha mẹ hai bên biết nhưng không hàn gắn cho anh chị được. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Trần Thị Ngọc D.

Về nuôi con chung: Thời gian sống chung anh chị có một con chung Lê Trần Ngọc Tr, sinh ngày 09/4/2011; hiện nay con chung đang sống với chị D. Khi ly hôn anh đồng ý giao con chung Lê Trần Ngọc Tr cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đồng/tháng đến khi con chung thành niên.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

***Bị đơn Trần Thị Ngọc D:**

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ chị D nhưng chị D vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

***Ý kiến của Kiểm sát viên tham dự phiên tòa:**

Về tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử thẩm phán, thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ

thẩm. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Nguyễn ly hôn với chị D, giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, buộc anh Ng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đồng. Buộc nguyên đơn chịu án phí HNST và án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Lê Văn Ng tranh chấp ly hôn, nuôi con chung với bị đơn chị Trần Thị Ngọc D, địa chỉ: ấp HL, xã HD, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang. Anh Ng và chị D có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Tân Phước giải quyết ly hôn, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Trần Thị Ngọc D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn Ng và chị Trần Thị Ngọc D sống chung năm 2011 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Hữu Đạo, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn; quan hệ hôn nhân giữa anh Ng và chị D là hôn nhân hợp pháp. Xét tình cảm giữa anh Ng và chị D sống chung hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì mâu thuẫn do bất đồng

quan điểm sống nên cự cãi nhau, thời gian sống chung vợ chồng có nhiều lần ly thân sau đó hàn gắn sống chung. Đến tháng 11/2020, anh phát hiện chị D có mối quan hệ tình cảm với người khác nên anh chị đã ly thân cho đến nay, thời gian ly thân anh chị không liên lạc để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành hòa giải để anh chị hàn gắn đoàn tụ nhưng chị D không đến tham dự cũng không có ý kiến đối với yêu cầu của anh Ng, anh Ng cương quyết ly hôn do tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Văn Ng.

[4] Về nuôi con chung: Thời gian sống chung, anh chị có một con chung Lê Trần Ngọc Tr, sinh ngày 09/4/2011. Hiện nay con chung đang sống cùng chị D, khi ly hôn anh Ng đồng ý giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay con chung Ngọc Tr đang sống ổn định cùng chị D, chị D có chỗ ở ổn định và có nguồn thu nhập đủ điều kiện nuôi con chung nên cần thiết tiếp tục giao con chung cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Tr có nguyện vọng sống cùng chị D. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Ng, giao con chung Lê Trần Ngọc Tr cho chị Trần Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Lê Văn Ng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Thị Ngọc D không có ý kiến cũng không có yêu cầu anh Ng cấp dưỡng nuôi con. Anh Lê Văn Ng tự nguyện đóng góp nuôi con chung Lê Trần Ngọc Tr với mức 2.000.000đồng/tháng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của anh Ng.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Lê Văn Ng phải chịu án phí HNST và án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5,

khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56. Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Văn Ng ly hôn với chị Trần Thị Ngọc D.

2.Về nuôi con chung: Giao con chung Lê Trần Ngọc Tr, sinh ngày 09/4/2011 cho chị Trần Thị Ngọc D trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Lê Văn Ng được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lê Văn Ng tự nguyện đóng góp nuôi con chung với chị Trần Thị Ngọc D với số tiền 2.000.000đồng/tháng đến khi con chung thành niên. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày án có hiệu lực pháp luật.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4.Về án phí: Anh Lê Văn Ng phải chịu 300.000 đồng án phí HNST và 300.000đồng án phí cấp dưỡng được khấu trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002991 ngày 12/4/2022 của Chi cục thi hành án dân

sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Anh Ng phải nộp tiếp số tiền 300.000đồng.

5. Quyền kháng cáo: Chị D, anh Ng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
 - VKSND huyện Tân Phước;
 - Chi cục THADS huyện Tân Phước;
 - Các đương sự;
 - UBND xã Hữu Đạo, huyện Châu Thành;
- tỉnh Tiền Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án;
 - Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thu Thuyền